TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM GDTC & QP
Số: 07/ TB-GDTC&QP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

V/v nhận chứng chỉ GDQP-AN khóa K26 học đợt 2

Hiện nay Trung tâm phối hợp với Trung tâm GDQP-AN Trường ĐH. Thể dục Thể thao tổ chức phát chứng chỉ GDQP-AN cho sinh viên khóa **K26 học đợt 2** cụ thể như sau:

- Từ ngày **11/12/2023 đến hết sáng ngày 23/12/2023** phát chứng chỉ cho **khoa Kiến Trúc** (có danh sách kèm theo)

❖ **Thời gian và địa điểm nhận chứng chỉ**

- **Thời gian:** Buổi sáng (8h00-11h00), buổi chiều (14h00-17h), **chiều Thứ 7 và ngày chủ nhật không cấp.**
- **Địa điểm:** Trung tâm GDTC & QP, Trường Đại học Duy Tân. Phòng 124 khu A, cơ sở 5 khu 3,5 ha, Hòa Khánh Nam.

❖ **Yêu cầu**

- Sinh viên nhận chứng chỉ theo đúng thời gian thông báo ở trên.
- Ký đầy đủ vào sổ lưu
- Mang theo thẻ sinh viên hoặc chứng minh thư, bằng lái xe
- Không nhận thay, nhận dùm

Lưu Ý:

- Sau thời gian cấp phát đã thông báo ở trên Trung tâm sẽ bàn giao lại toàn bộ chứng chỉ (khóa K26 học đợt 2) cho Trung tâm GDQP-AN Trường Đại học Thể dục Thể thao quản lý và tổ chức phát chứng chỉ. *Vì vậy những sinh viên của Khoa nhận sau thời gian đã thông báo sẽ nhận chứng chỉ GDQP-AN tại: Trung tâm GDQP-AN Trường Đại học Thể dục Thể thao địa chỉ số: 122 đường Hoàng Minh Thảo, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng (bên canh khu 3,5ha của Trường). Những khóa từ K24 trở về trước Trung tâm vẫn phát chứng chỉ bình thường.*

Kính đề nghị các Khoa thông báo cho sinh viên khoa mình được biết để nhận chứng chỉ GDQP-AN theo đúng kế hoạch.

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 12 năm 2023
GĐ. TRUNG TÂM GDTC & QP
ThS. Phùng Anh Quân

DANH SÁCH NHẬN CHỨNG CHỈ KHOA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
(ĐỌC SỐ THỨ TỰ ĐỂ NHẬN CHỨNG CHỈ, KÝ TÊN, KIỂM TRA LẠI THÔNG TIN TRƯỚC KHI RA VỀ)

TT/ QĐ	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Lớp/ Khóa	Nơi sinh	Kết quả	Xếp loại	SỐ HIỆU
941	Ngô Huyền Khanh	13/04/2002	K26ADH	Đà Nẵng	7	Khá	00924249
942	Nguyễn Ái Quân	18/07/2002	K26ADH	Quảng Nam	7.6	Khá	00924250
943	Phùng Hoàng Phú Quý	21/05/2002	K26ADH	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924251
944	Hồ Quang Thanh Tài	27/07/2000	K26ADH	Bình Định	7	Khá	00924252
945	Diệp Nam Hiếu Thảo	02/10/2001	K26ADH	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924253
946	Trần Thanh Thiện	02/07/2002	K26ADH	Quảng Nam	7.9	Khá	00924254
947	Nguyễn Hữu Thuận	10/04/2002	K26ADH	Quảng Nam	7.9	Khá	00924255
948	Nguyễn Văn Trường	15/03/2002	K26ADH	Lâm Đồng	7.3	Khá	00924256
949	Phạm Nguyễn Tuân	10/02/2002	K26ADH	Đắk Nông	8.3	Giỏi	00924257
950	Lê Hoàng Phương Anh	03/04/2001	K26ADH1	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924258
951	Trịnh Minh Thế Anh	22/08/2002	K26ADH1	Quảng Ngãi	6.5	TB Khá	00924259
952	Võ Ngọc Minh Anh	17/05/2002	K26ADH1	Đồng Nai	6.8	TB Khá	00924260
953	Huỳnh Ngọc Tùng Anh	18/08/2001	K26ADH1	Hà Nội	7.7	Khá	00924261
954	Lê Hữu Công	21/07/2002	K26ADH1	Quảng Bình	7.4	Khá	00924262
955	Trần Lê Thị Mỹ Duyên	21/11/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.2	Khá	00924263
956	Hồ Quang Hải	01/01/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.8	Khá	00924264
957	Lê Mạnh Hảo	28/11/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924265
958	Huỳnh Bá Huy Hoàng	26/09/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.2	Khá	00924266
959	Võ Văn Huấn	30/11/2000	K26ADH1	Đắk Lắk	7.8	Khá	00924267
960	Lê Nguyễn Nhật Huy	23/12/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	7.8	Khá	00924268
961	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	22/09/2002	K26ADH1	Quảng Trị	7.4	Khá	00924269
962	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/05/2001	K26ADH1	Lai Châu	8.3	Giỏi	00924270
963	Phạm Thành Long	05/10/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.6	Khá	00924271
964	Võ Văn Long	21/06/2002	K26ADH1	Quảng Nam	8	Giỏi	00924272
965	Đặng Nguyễn Công Minh	07/01/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	7.1	Khá	00924273
966	Hà Lê Phương Nga	10/07/2002	K26ADH1	Thanh Hóa	8	Giỏi	00924274

967	Trần Bảo Ngân	29/01/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924275
968	Lê Ý Nhi	21/10/2002	K26ADH1	Quảng Bình	8.4	Giỏi	00924276
969	Nguyễn Quỳnh Như	10/09/2000	K26ADH1	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924277
970	Huỳnh Đình Phong	25/09/1997	K26ADH1	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	00924278
971	Hồ Thị Hoàng Phúc	24/10/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.4	Khá	00924279
972	Hoàng Mai Phương	17/02/2002	K26ADH1	TP. Hồ Chí Minh	7.8	Khá	00924280
973	Nguyễn Thị Thanh Phượng	06/03/2001	K26ADH1	Bình Định	8.2	Giỏi	00924281
974	Hoàng Kim Quân	01/01/2002	K26ADH1	Nghệ An	8.1	Giỏi	00924282
975	Hà Thị Thanh Tâm	07/12/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	8.2	Giỏi	00924283
976	Phan Văn Thông	13/09/2001	K26ADH1	Đà Nẵng	7.9	Khá	00924284
977	Phan Thị Hồng Thủy	15/05/2002	K26ADH1	Quảng Nam	8.1	Giỏi	00924285
978	Nguyễn Thị Bảo Trân	13/04/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	7	Khá	00924286
979	Phạm Nguyễn Thùy Trang	30/07/2002	K26ADH1	Đà Nẵng	8	Giỏi	00924287
980	Lê Thị Diễm Trang	18/06/2002	K26ADH1	Quảng Ngãi	8.6	Giỏi	00924288
981	Nguyễn Quốc Trung	15/07/2002	K26ADH1	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	00924289
982	Trần Văn Vĩnh	17/10/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.4	Khá	00924290
983	Ngô Văn Vũ	28/10/2002	K26ADH1	Quảng Nam	7.7	Khá	00924291
984	Nguyễn Quốc Bảo	17/12/2002	K26ADH2	Nghệ An	7.9	Khá	00924292
985	Nguyễn Quang Cường	20/12/2002	K26ADH2	Khánh Hòa	7.1	Khá	00924293
986	Nguyễn Vũ Danh	10/03/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.2	Khá	00924294
987	Phạm Ngọc Bách Diên	12/03/2002	K26ADH2	Gia Lai	7.4	Khá	00924295
988	Phạm Tấn Trí Đức	22/12/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.9	Khá	00924296
989	Nguyễn Thành Duy	01/01/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.6	Khá	00924297
990	Nguyễn Thị Duyên	30/01/2001	K26ADH2	Nghệ An	8	Giỏi	00924298
991	Lương Hoàng Hà	14/07/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7	Khá	00924299
992	Nguyễn Duy Hải	14/01/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.2	Khá	00924300
993	Trần Lê Như Hiền	30/10/2001	K26ADH2	Quảng Ngãi	7.6	Khá	00924301
994	Nguyễn Công Hiếu	09/07/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.4	Khá	00924302
995	Phan Thị Chí Hiếu	22/11/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.2	Khá	00924303
996	Nguyễn Văn Hòa	13/03/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.4	Khá	00924304
997	Trần Duy Hưng	19/07/2002	K26ADH2	Đà Nẵng	7.3	Khá	00924305
998	Nguyễn Văn Hưng	26/06/2002	K26ADH2	Đắk Lắk	7.2	Khá	00924306
999	Lê Đức Huy	18/08/2002	K26ADH2	Quảng Trị	6.9	TB Khá	00924307

1000	Phạm Quốc Khánh	21/11/2002	K26ADH2	Đà Nẵng	7.8	Khá	00924308
1001	Trần Nguyên Lĩnh	18/05/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.4	Khá	00924309
1002	Bùi Xuân Lộc	26/04/2002	K26ADH2	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924310
1003	Chu Minh Mẫn	24/01/2002	K26ADH2	Bắc Ninh	6.8	TB Khá	00924311
1004	Nguyễn Hồ Quang Minh	10/03/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.5	Khá	00924312
1005	Bùi Thị Thúy Nga	18/02/2002	K26ADH2	Đắk Lắk	7.6	Khá	00924313
1006	Nguyễn Thị Kiều Ngân	26/09/2002	K26ADH2	Gia Lai	8	Giỏi	00924314
1007	Nguyễn Hữu Phi	01/09/2002	K26ADH2	Đắk Lắk	7.6	Khá	00924315
1008	Trần Uyên Phương	05/03/2002	K26ADH2	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	00924316
1009	Trần Phan Nhật Quang	02/06/2002	K26ADH2	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	00924317
1010	Võ Thành Quang	29/09/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.6	Khá	00924318
1011	Nguyễn Ngọc Sơn	04/01/2002	K26ADH2	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	00924319
1012	Nguyễn Viết Thân	18/07/2002	K26ADH2	Kon Tum	7.7	Khá	00924320
1013	Nguyễn Anh Thư	01/02/2002	K26ADH2	Đắk Nông	8.2	Giỏi	00924321
1014	Trương Ý Bảo Thư	02/03/2002	K26ADH2	Đà Nẵng	8.3	Giỏi	00924322
1015	Phạm Trung Thức	02/10/2002	K26ADH2	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924323
1016	Nguyễn Lê Minh Trí	01/05/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.7	Khá	00924324
1017	Phạm Tô Nữ Cẩm Tú	05/02/2002	K26ADH2	Quảng Ngãi	7.4	Khá	00924325
1018	Nguyễn Hạ Uyên	05/08/2002	K26ADH2	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924326
1019	Trần Thị Khánh Vy	02/02/2002	K26ADH2	Quảng Nam	7.2	Khá	00924327
835	Trần Thị Quỳnh Anh	26/01/2002	K26ADH3	Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	00924143
836	Đào Trang Bích Anh	10/02/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924144
837	Đậu Việt Anh	03/03/2002	K26ADH3	Nghệ An	7.6	Khá	00924145
838	Trần Công Bảo	20/06/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924146
839	Nguyễn Đình Gia Cường	31/01/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.8	Khá	00924147
840	Nguyễn Mạnh Cường	02/01/2002	K26ADH3	Quảng Trị	7.9	Khá	00924148
841	Trương Văn Tuấn Cường	23/08/2002	K26ADH3	Quảng Bình	7.6	Khá	00924149
842	Đặng Công Đạt	26/03/2002	K26ADH3	Quảng Nam	7.3	Khá	00924150
843	Phan Ngọc Diệp	19/11/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.1	Khá	00924151
844	Trần Thị Kim Dung	16/09/2002	K26ADH3	Quảng Nam	7.9	Khá	00924152
845	Nguyễn Hoàng Giang	27/05/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	8	Giỏi	00924153
846	Hoàng Thị Hoài Giang	07/01/2002	K26ADH3	Quảng Bình	8.4	Giỏi	00924154

847	Trịnh Nguyên Hồng	09/07/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.8	Khá	00924155
848	Nguyễn Đinh Vĩnh Khang	17/05/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924156
849	Trịnh Nguyễn Đăng Khoa	05/04/2002	K26ADH3	Quảng Nam	6.6	TB Khá	00924157
850	Phạm Hoàng Long	24/07/2002	K26ADH3	Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	00924158
851	Nguyễn Hà Châu Mi	24/10/2002	K26ADH3	Bình Định	7.6	Khá	00924159
852	Nguyễn Công Minh	23/08/2001	K26ADH3	Quảng Ngãi	7.2	Khá	00924160
853	Dương Thanh Minh	21/12/2001	K26ADH3	Quảng Bình	8.1	Giỏi	00924161
854	Đặng Thị Yến Na	01/03/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.8	Khá	00924162
855	Nguyễn Hồng Ngọc	09/05/2002	K26ADH3	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	00924163
856	Huỳnh Như Ngọc	24/12/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924164
857	Nguyễn Thị Bích Nhạn	29/08/2001	K26ADH3	Quảng Trị	7.5	Khá	00924165
858	Nguyễn Võ Hồng Phúc	12/10/2002	K26ADH3	Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	00924166
859	Cao Tiến Quân	30/09/2002	K26ADH3	Nghệ An	6.9	TB Khá	00924167
860	Võ Thị Nhật Tâm	01/04/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924168
861	Nguyễn Viết Tân	27/11/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924169
862	Nguyễn Lê Anh Thạo	16/12/2002	K26ADH3	Quảng Ngãi	7.4	Khá	00924170
863	Nguyễn Văn Thọ	01/01/2002	K26ADH3	Quảng Nam	7.5	Khá	00924171
864	Nguyễn Hoàng Minh Thư	08/12/2002	K26ADH3	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	00924172
865	Nguyễn Thị Diệu Trang	04/02/2002	K26ADH3	Quảng Trị	7.4	Khá	00924173
866	Võ Thùy Trang	12/05/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924174
867	Nguyễn Thị Thu Trinh	23/10/2002	K26ADH3	Quảng Nam	7.8	Khá	00924175
868	Phạm Thị Hoàng Uyên	12/06/2002	K26ADH3	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924176
869	Đinh Thị Phương Uyên	11/01/2002	K26ADH3	Quảng Bình	7.9	Khá	00924177
870	Đỗ Minh Vũ	28/08/2002	K26ADH3	Quảng Bình	7.7	Khá	00924178
871	Phan Trường Vũ	27/02/2002	K26ADH3	Hà Tĩnh	7.7	Khá	00924179
872	Đặng Đức Anh	19/03/2002	K26ADH4	Quảng Nam	6.4	TB Khá	00924180
873	Mai Thị Kim Chi	03/08/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7.9	Khá	00924181
874	Hà Minh Đức	28/04/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924182
875	Phan Nguyễn Việt Đức	02/07/2002	K26ADH4	Quảng Nam	8	Giỏi	00924183
876	Huỳnh Dũng	02/04/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7.9	Khá	00924184
877	Võ Hoàng Duy	22/09/2001	K26ADH4	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924185
878	Huỳnh Phương Duyên	17/08/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924186

879	Lê Thị Xuân Hà	30/11/2001	K26ADH4	Đà Nẵng	7.2	Khá	00924187
880	Tô Thị Hạnh	14/05/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7.1	Khá	00924188
881	Dương Tấn Hiếu	24/03/2002	K26ADH4	TP. Hồ Chí Minh	6.8	TB Khá	00924189
882	Phạm Xuân Hiếu	05/10/2002	K26ADH4	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	00924190
883	Nguyễn Đình Hoàng	06/08/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7.5	Khá	00924191
884	Triệu Cao Huy	27/06/2002	K26ADH4	Đắk Lắk	7.6	Khá	00924192
885	Lê Văn Huy	07/10/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	6.2	TB Khá	00924193
886	Lê Lệ Huyền	19/04/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7.4	Khá	00924194
887	Nguyễn Thị Thúy Huyền	02/01/2002	K26ADH4	Quảng Bình	7.5	Khá	00924195
888	Nguyễn Bảo Liêm	06/06/2001	K26ADH4	Đà Nẵng	7.2	Khá	00924196
889	Trịnh Hoàng Long	27/11/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924197
890	Phan Thị Ngọc Mai	07/07/2001	K26ADH4	Quảng Bình	7.3	Khá	00924198
891	Lê Vũ Thái Nguyên	05/06/2000	K26ADH4	Kon Tum	7.7	Khá	00924199
892	Phan Quang Nhật	26/09/1999	K26ADH4	Thừa Thiên Huế	6.9	TB Khá	00924200
893	Lê Võ Phi	24/05/2002	K26ADH4	Quảng Bình	7.6	Khá	00924201
894	Phạm Vũ Trường Phúc	09/09/2002	K26ADH4	Gia Lai	7.3	Khá	00924202
895	Nguyễn Anh Quân	02/09/2001	K26ADH4	Quảng Bình	7.7	Khá	00924203
896	Nguyễn Hồng Quân	20/07/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924204
897	Lý Lê Hoàn Sang	27/09/2001	K26ADH4	Gia Lai	6.7	TB Khá	00924205
898	Hồ Hải Sơn	02/10/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924206
899	Nguyễn Võ Sỹ	30/07/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924207
900	Đỗ Minh Tài	07/02/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7	Khá	00924208
901	Nguyễn Văn Tài	24/01/2002	K26ADH4	Thừa Thiên Huế	6.9	TB Khá	00924209
902	Trần Văn Thái	27/09/2002	K26ADH4	Đà Nẵng	7	Khá	00924210
903	Nguyễn Trường Thiện	29/05/2002	K26ADH4	Quảng Bình	7.2	Khá	00924211
904	Phạm Đức Thọ	21/12/2002	K26ADH4	Quảng Nam	7.2	Khá	00924212
905	Nguyễn Anh Tuấn	14/11/2002	K26ADH4	Hà Tĩnh	7.3	Khá	00924213
906	Nguyễn Thanh Tùng	10/10/2001	K26ADH4	Đà Nẵng	7.1	Khá	00924214
907	Nguyễn Toàn Tỵ	20/11/2001	K26ADH4	Bình Định	7.9	Khá	00924215
908	Hoàng Vân Anh	11/11/2002	K26ADH5	Đà Nẵng	6.3	TB Khá	00924216
909	Thái Anh Bảo	18/08/2002	K26ADH5	Đồng Nai	7.6	Khá	00924217
910	Đỗ Đại Được	27/06/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.7	Khá	00924218

911	Trần Lê Hương Giang	09/09/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.4	Khá	00924219
912	Đỗ Tấn Hào	30/12/2001	K26ADH5	Quảng Ngãi	7.6	Khá	00924220
913	Nguyễn Duy Hưng	14/02/2001	K26ADH5	Hà Tĩnh	6.8	TB Khá	00924221
914	Lê Chí Bảo Huy	03/09/2002	K26ADH5	Quảng Trị	7.5	Khá	00924222
915	Hồ Đắc Huy	31/08/2001	K26ADH5	Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	00924223
916	Phạm Quốc Huy	16/09/2002	K26ADH5	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924224
917	Phan Hiền Linh	08/03/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.1	Khá	00924225
918	Nguyễn Ngọc Vũ Mẫn	07/10/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.6	Khá	00924226
919	Phan Hoàng Nhật Nam	03/03/2002	K26ADH5	Gia Lai	7.2	Khá	00924227
920	Đoàn Pha	04/02/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.8	Khá	00924228
921	Từ Văn Phúc	01/08/2002	K26ADH5	Đà Nẵng	6.4	TB Khá	00924229
922	Hồ Bá Quân	06/04/2002	K26ADH5	Quảng Bình	7.3	Khá	00924230
923	Nguyễn Văn Quý	02/06/2001	K26ADH5	Thừa Thiên Huế	6.7	TB Khá	00924231
924	Phan Thị Thùy Sương	09/08/2002	K26ADH5	Quảng Trị	7.7	Khá	00924232
925	Trần Quốc Tài	18/03/2002	K26ADH5	Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	00924233
926	Trần Văn Thật	03/01/2001	K26ADH5	Đắk Lắk	7.6	Khá	00924234
927	Trần Quốc Thiện	08/01/2002	K26ADH5	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924235
928	Lê Minh Trí	03/07/2000	K26ADH5	Đà Nẵng	5.6	Trung bình	00924236
929	Nguyễn Lữ Lâm Tuyền	01/12/2002	K26ADH5	Quảng Ngãi	7.2	Khá	00924237
930	Huỳnh Hùng Vỉ	01/07/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.6	Khá	00924238
931	Phan Anh Vũ	23/10/2002	K26ADH5	Quảng Nam	7.2	Khá	00924239
932	Ngô Văn Vũ	02/01/2001	K26ADH5	Đà Nẵng	7.9	Khá	00924240
933	Hồ Xuân Vũ	16/03/2002	K26ADH5	Bình Định	7.3	Khá	00924241
934	Hoàng Thị Minh Anh	25/05/2001	K26ADH	Quảng Trị	7.4	Khá	00924242
935	Lê Trọng Bảo	03/11/2002	K26ADH	Thanh Hóa	7.6	Khá	00924243
936	Trần Đình Chính	08/04/2002	K26ADH	Gia Lai	7.3	Khá	00924244
937	Lý Minh Dũng	07/03/2002	K26ADH	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924245
938	Nguyễn Văn Duy	10/10/2002	K26ADH	Quảng Nam	7	Khá	00924246
939	Bùi Minh Hân	29/09/2002	K26ADH	Khánh Hòa	8.1	Giỏi	00924247
1412	Huỳnh Thanh Trà Anh	13/10/2001	K26ATT	Đà Nẵng	7	Khá	00924365
1413	Lê Thị Vân Anh	17/01/2002	K26ATT	Quảng Trị	6.8	TB Khá	00924366
1414	Đặng Trâm Anh	26/12/2002	K26ATT	Đà Nẵng	7.8	Khá	00924367

1415	Trần Bảo Duy	22/03/2002	K26ATT	Đà Nẵng	7.3	Khá	00924368
1416	Nguyễn Thị Hồng Gấm	11/04/2002	K26ATT	Quảng Nam	7.5	Khá	00924369
1417	Lê Bùi Gia Hân	26/09/2001	K26ATT	Đà Nẵng	8	Giỏi	00924370
1418	Lê Vân Khanh	23/10/2002	K26ATT	Đà Nẵng	7.9	Khá	00924371
1419	Nguyễn Phương Linh	07/09/2002	K26ATT	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924372
1420	Nguyễn Thị Thanh Nga	16/11/2002	K26ATT	Hà Tĩnh	7.9	Khá	00924373
1421	Hồ Hồng Ngọc	15/04/2002	K26ATT	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924374
1422	Trần Thụy Hồng Ngọc	21/09/1999	K26ATT	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924375
1423	Nguyễn Thị Tình	20/09/2002	K26ATT	Quảng Nam	7.8	Khá	00924376
1424	Nguyễn Nhật Huyền Trang	27/04/1999	K26ATT	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924377
1425	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/02/2001	K26ATT	Quảng Bình	8	Giỏi	00924378
1426	Từ Tú Anh	14/09/2002	K26KTN	Thừa Thiên Huế	8	Giỏi	00924379
1427	Nguyễn Văn Chiến	16/05/2001	K26KTN	Nghệ An	7.5	Khá	00924380
1428	Ngô Hào Đông	23/11/2002	K26KTN	Quảng Nam	7.1	Khá	00924381
1429	Trần Tấn Thắng	19/03/2002	K26KTN	Quảng Nam	7.3	Khá	00924382
1430	Lê Phương Thanh	10/01/2002	K26KTN	Đắk Nông	7.2	Khá	00924383
1431	Trần Ngọc Thùy Trâm	28/08/2002	K26KTN	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	00924384
1432	Huỳnh Triệu Vỹ	21/08/2002	K26KTN	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924385
1433	Nguyễn Thị Hải Yến	03/01/2002	K26KTN	Gia Lai	7.8	Khá	00924386
940	Nguyễn Ngọc Liên Hoa	06/10/2002	K26KTN	Đà Nẵng	7.3	Khá	00924248
1434	Hoàng Bảo Nhật Anh	01/01/2002	K26KTR	Thừa Thiên Huế	7	Khá	00924387
1435	Nguyễn Quốc Anh	11/01/2002	K26KTR	Đà Nẵng	7.4	Khá	00924388
1436	Phan Thanh Bình	18/09/2001	K26KTR	Gia Lai	7.3	Khá	00924389
1437	Trịnh Lê Công Danh	18/01/2002	K26KTR	Quảng Nam	6.8	TB Khá	00924390
1438	Lưu Bình Dương	12/05/2002	K26KTR	Quảng Nam	7.8	Khá	00924391
1439	Đặng Ngọc Hải	21/05/2002	K26KTR	TP. Hồ Chí Minh	7.6	Khá	00924392
1440	Đặng Công Hòa	04/04/2002	K26KTR	Quảng Nam	7.4	Khá	00924393
1441	Hồ Nguyễn Hoài Nam	14/03/2002	K26KTR	Quảng Trị	7.4	Khá	00924394
1442	Văn Viết Nam	20/03/2002	K26KTR	Quảng Trị	8.1	Giỏi	00924395
1443	Trương Lê Công Thành	19/05/2002	K26KTR	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924396
1444	Huỳnh Nhật Trình	19/08/2002	K26KTR	Đắk Lắk	6.7	TB Khá	00924397
1445	Lê Ngọc Trung	12/02/2002	K26KTR	Quảng Nam	7.5	Khá	00924398

1446	Võ Thị Cẩm Tú	02/10/2002	K26KTR	Hà Tĩnh	8.1	Giỏi	00924399
1447	Phạm Ngọc Vỹ	24/02/2002	K26KTR	Quảng Nam	7.8	Khá	00924400
1478	Đỗ Phương Ân	23/02/2002	K26VJ-ADH	Đà Nẵng	7	Khá	00924794
1479	Nguyễn Hoàng Cúc	06/10/2000	K26VJ-ADH	Đắk Lắk	8	Giỏi	00924795
1480	Hồ Nguyên Hân	01/01/2002	K26VJ-ADH	Đà Nẵng	7.5	Khá	00924796
1481	Nguyễn Hà Hồng Hạnh	28/07/2002	K26VJ-ADH	Quảng Bình	8.2	Giỏi	00924797
1482	Nguyễn Đăng Long	19/06/2002	K26VJ-ADH	Đà Nẵng	7.7	Khá	00924798
1483	Tôn Nữ Khuê Miên	28/09/2002	K26VJ-ADH	Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	00924799
1484	Phạm Ngọc Nhân	06/06/2002	K26VJ-ADH	Đà Nẵng	6.8	TB Khá	00924800
1485	Lê Đình Thắng	25/01/2002	K26VJ-ADH	Đà Nẵng	7.6	Khá	00924801
1486	Trương Anh Thư	05/02/2002	K26VJ-ADH	Đà Nẵng	7	Khá	00924802
1487	Lê Huyền Trang	01/01/2002	K26VJ-ADH	Đắk Lắk	7.2	Khá	00924803
1488	Nguyễn Ngọc Minh Trang	17/05/2002	K26VJ-ADH	Quảng Nam	7.3	Khá	00924804